

Số: 1556 /QĐ-UBND

Tân Thành, ngày 22 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo/ hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn xã Tân Thành năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Công văn số 5501/SNNMT-KTHT&PTNT ngày 18/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc cho ý kiến về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 của các xã, phường;

Căn cứ Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 11/9/2025 của UBND xã Tân Thành về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã Tân Thành;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Tân Thành tại Tờ trình số 367/TTr-KT, ngày 19/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn xã năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Tổng số hộ nghèo: 85 hộ nghèo/5855 hộ, chiếm 1,45%
2. Tổng số hộ cận nghèo: 63 hộ cận nghèo/5855 hộ, chiếm 1,08 %
3. Tổng số hộ thoát nghèo là: 37 hộ thoát nghèo/ 5855 hộ, chiếm 0,63%
4. Tổng số hộ thoát cận nghèo là: 56 hộ thoát cận nghèo/ 5855 hộ, chiếm 0,96%

(Danh sách chi tiết kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã, chuyên viên được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo, Trưởng các xóm và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Công

DANH SÁCH
Hộ nghèo, hộ cận nghèo/ hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo
định kỳ hằng năm

(Kèm theo Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Tân Thành

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ	Số nhân khẩu
				(ghi theo thứ tự thôn/tổ)	
A.	Hộ nghèo/ thoát nghèo				
I	Hộ nghèo: 85 hộ				201
1	Phạm Thị Sách	Nữ	1/1/1967	Bạch Thạch	1
2	Lý Văn Nha	Nam	30/6/1953	Bờ La	3
3	Dương Thị Duyên	Nữ	15/5/1978	Bờ La	3
4	Lý Văn Hiếu	Nam	11/8/1982	Bờ La	2
5	Vương Thị Phượng	Nữ	15/8/1981	Bờ La	3
6	Lưu Thị Tơ	Nữ	12/12/1961	Bờ La	3
7	Vi Văn Lâm	Nam	17/2/1994	Bờ La	5
18	Vi Thị Biên	Nữ	15/10/1985	Bờ La	3
9	Phạm Thị Sơn	Nữ	15/4/1953	Đèo Khê	1
10	Chu Thị Chinh	Nữ	20/1/1961	Đèo Khê	5
11	Nguyễn Văn Hậu	Nam	29/9/1978	Đèo Khê	4
12	Nguyễn Vũ Khải	Nam	24/1/1960	Đồng Tân	3
13	Dương Thị Định	Nữ	5/10/1951	Đồng Tân	3
14	Dương Quang Tiến	Nam	29/1/1989	Hải Minh	4
15	Dương Thị Hà	Nữ	23/4/1987	Hải Minh	2
16	Nông Thị Éng	Nữ	1/9/1956	Hải Minh	2
17	Trần Thị Xinh	Nữ	1/5/1959	La Dao	1
18	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	20/2/1960	La Dao	2
19	Nguyễn Văn Ty	Nam	1/11/1937	La Dao	2
20	Nguyễn Thị Lợi	Nữ	1/1/1951	La Dao	2
21	Trần Văn Phương	Nam	1/1/1947	La Dao	3
22	Lưu Thị Huệ	Nữ	27/10/1971	La Đuốc	2
23	Phạm Thị Cẩm	Nữ	5/3/1985	Môn Thượng	2
24	Dương Văn Lâm	Nam	2/8/1986	Núi Chùa	1
25	Dương Nguyễn Quỳnh Mai	Nữ	13/8/1987	Núi Chùa	2
26	Nguyễn Thị Hương	Nữ	14/4/1990	Quyết Tiến	4
27	Lê Xuân Hoat	Nam	20/5/1985	Quyết Tiến	3
28	Tô Văn Vệt	Nam	15/5/1954	Quyết Tiến	4
29	Lê Thị Duyên	Nữ	8/9/1978	Thòng Bong	1
30	Tạ Như Dương	Nam	22/7/1994	Thòng Bong	4
31	Kiều Thị Hiền	Nữ	16/4/1976	Trạng Đài	2
32	Nguyễn Văn Hai	Nam	20/1/1994	Xóm Châu	4
33	Nguyễn Thị Liên	Nữ	3/2/1952	Trại	1

34	Kiều Văn Hậu	Nam	10/2/1981	Xuân Lai	3
35	Phạm Thị Thuý	Nữ	16/2/1972	Xuân Lai	2
36	Hoàng Văn Phó	Nam	4/2/1978	Cà	2
37	Hoàng Thị Bé	Nữ	24/12/1947	Giếng Mật	1
38	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	30/11/1960	Giếng Mật	1
39	Nguyễn Thị Minh	Nữ	22/7/1952	Giếng Mật	1
40	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	29/09/1960	Vầu	2
41	Phạm Thị Huệ	Nữ	4/9/1976	Vầu	1
42	Nguyễn Văn Cường	Nam	1/1/1988	Hân	4
43	Đào Thị Lộc	Nữ	2/3/1990	Hân	2
44	Lê Thị Tâm	Nữ	1/7/1949	Hân	1
45	Trần Văn Quý	Nam	11/10/1983	Hân	4
46	Nguyễn Thị Thắng	Nữ	24/10/1958	Hân	1
47	Lý Thị Sần	Nữ	21/07/1958	Vực Giăng	1
48	Lý Thị Khuê	Nữ	8/6/1974	Vực Giăng	1
49	Phan Thị Hòa	Nữ	15/07/1957	Vực Giăng	2
50	Nông Thị My	Nữ	3/5/1962	Vực Giăng	2
51	Đình Thị Đoan	Nữ	13/10/1957	Đồng Ca	1
52	Nguyễn Thị Thân	Nữ	1/1/1950	Thanh Lương	1
53	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	2/4/1980	Thanh Lương	3
54	Nguyễn Thị Hợp	Nữ	26/03/1960	Thanh Lương	1
55	Phạm Thị Thập	Nữ	30/08/1953	Thanh Lương	1
56	Ngô Thị Bí	Nữ	05/09/1956	Thanh Lương	1
57	Nguyễn Thị Chính	Nữ	01/01/1946	Tè	2
58	Hoàng Văn Thắng	Nam	19/05/1991	Ngò	5
59	Đoàn Văn Soái	Nam	25/10/1984	Ngò	4
60	Vũ Hồng Chuyên	Nữ	6/11/1980	Ngò	4
61	Hứa Thị Nguyệt	Nữ	2/3/1961	Giàn	1
62	Ngô Thị Tâm	Nữ	2/4/1969	Trụ Sở	1
63	Lê Thị Nhị	Nữ	1/3/1987	Trụ Sở	4
64	Khúc Văn Đào	Nam	14/10/1985	Trụ Sở	4
65	Nguyễn Thị Doãn	Nam	20/8/1974	Trại Giữa	2
66	Trần Thị Hạnh	Nữ	13/1/1978	Cầu muối	1
67	Trương Văn Hiến	Nam	26/10/1974	Vo	5
68	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	29/8/1986	Vo	2
69	Hoàng Văn Minh	Nam	11/12/1973	Tân yên	1
70	Phạm Như Nguyễn	Nam	6/1/1987	Tân yên	1
71	Nguyễn Thị Xuyên	Nữ	12/8/1948	Tân yên	2
72	Dương Đình Hào	Nam	9/9/1952	Tân yên	2
73	Lê Thị Khuê	Nam	1/1/1945	Non Tranh	1
74	Ngô Thị Huệ	Nữ	16/6/1981	Đồng Bàu	4
75	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	23/12/1980	Đồng Bàu	3
76	Triệu Thị Ba	Nữ	9/1/1989	Đồng Bàu	4

77	Nguyễn Văn Luận	Nam	10/1/1997	Đồng Bàu	4
78	Hoàng Thị Hà	Nữ	13/5/1949	Suối Lửa	4
79	Nông Thị Phượng	Nữ	10/3/1992	Suối Lửa	3
80	Hoàng Thị Sơn	Nữ	7/7/1957	Hòa Lâm	1
81	Nguyễn Thị Phương	Nữ	26/5/1981	Na Bì	5
82	Dương Thị Ninh	Nữ	20/6/1960	Na Bì	1
83	Phạm Văn Tình	Nam	1/7/1971	Đồng Bón	1
84	Lương Thị Điều	Nữ	18/10/1955	La Lễ	2
85	Đào Văn Diệu	Nam	12/2/1962	La Lễ	1
II	Hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo: 02 hộ				8
1	Triệu Thị Ba	Nữ	9/1/1989	Đồng Bàu	4
2	Nguyễn Văn Luận	Nam	10/1/1997	Đồng Bàu	4
III	Hộ nghèo phát sinh mới: 02 hộ				6
1	Lưu Thị Huệ	Nữ	27/10/1971	La Đuốc	2
2	Khúc Văn Đào	Nam	14/10/1985	Trụ Sở	4
IV	Hộ tái nghèo: 0 hộ				0
V	Hộ thoát nghèo (vượt chuẩn cận nghèo): 37 hộ				105
1	Dương Thị Thoa	Nữ	1/1/1958	Bạch Thạch	1
2	Dương Thị Xuyên	Nữ	1/1/1971	Bạch Thạch	1
3	Vi Văn Huy	Nam	10/9/1990	Bờ La	3
4	Vi Văn Đức	Nam	12/2/1987	Bờ La	3
5	Lý Thị Nghiệp	Nữ	21/1/1961	Bờ La	2
6	Nông Văn Bẩy	Nam	16/1/1984	Bờ La	4
7	Lý Thị Năm	Nữ	10/8/1952	Đèo Khê	3
8	Hà Văn Chung	Nam	24/2/1974	Đèo Khê	8
9	Dương Thị Huân	Nữ	2/12/1969	Đèo Khê	3
10	Trần Văn Chi	Nam	7/7/1947	Hải Minh	7
11	Đỗ Thị Khoa	Nữ	28/8/1956	La Đuốc	1
12	Vũ Thị Bút	Nữ	5/10/1963	La Đuốc	2
13	Nguyễn Văn Hào	Nam	6/3/1993	Môn Thượng	2
14	Vũ Thị Lịch	Nữ	1/1/1938	Môn Thượng	1
15	Phạm Thị Tuyết	Nữ	8/7/1986	Núi Chùa	3
16	Lại Thị Chi	Nữ	2/1/1939	Quyết Tiến	1
17	Đặng Thị Tư	Nữ	18/10/1977	Quyết Tiến	2
18	Nguyễn Văn Hoà	Nữ	27/4/1972	Trạng Đài	4
19	Nhữ Thị Vân	Nữ	12/10/1975	Trạng Đài	3
20	Đỗ Thị Hải	Nữ	10/1/1970	Xóm Châu	2
21	Nguyễn Thị Chuyên	Nữ	1/1/1953	Xóm Châu	3
22	Vũ Lệnh Bảo	Nam	15/4/1984	Trại	6
23	Kiều Thị Khuyên	Nữ	1/1/1932	Xuân Lai	1
24	Nguyễn Văn Sủ	Nam	5/6/1941	Vầu	1
25	Dương Thị Dần	Nữ	7/5/1958	Vầu	1

26	Trịnh Thị Tác	Nữ	10/11/1952	Hân	1
27	Nguyễn Văn Hưng	Nam	05/11/1973	Đồng Ca	4
28	Nguyễn Văn Xá	Nam	14/07/1961	Thanh Lương	1
29	Nguyễn Văn Quỳnh	Nam	28/12/2005	Ngò	2
30	Nguyễn Văn Cương	Nam	12/10/1972	Giàn	4
31	Dương Đình Luyện	Nam	14/2/1975	Tân yên	2
32	Dương Văn Hoan	Nam	25/10/1952	Non Tranh	5
33	Luân Văn Trường	Nam	13/3/1992	Đồng Bàu	4
34	Mạ Thị Quế	Nữ	26/8/1993	Đồng Bàu	3
35	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	30/1/1949	Hòa Lâm	4
36	Trịnh Thị Quyên	Nữ	20/4/1974	Đồng Bón	4
37	Lâm Thị Thương	Nữ	24/5/1985	La Lễ	3
B.	Hộ cận nghèo/ thoát cận nghèo				
I	Hộ cận nghèo: 63 hộ				207
1	Dương Văn Dáng	Nam	17/5/1950	Bạch Thạch	2
2	Nguyễn Như Tứ	Nam	2/2/1966	Bạch Thạch	3
3	Mã Văn Dìn	Nam	1/1/1954	Bờ La	5
4	Vi Văn Hiếu	Nam	25/8/1984	Bờ La	4
5	Lý Văn Đức	Nam	10/2/1969	Bờ La	4
6	Nguyễn Thị Sọc	Nữ	28/1/1957	Đèo Khê	5
7	Nguyễn Văn Sùi	Nam	5/10/1957	Đồng Tân	7
8	Hoàng Xuân Dâng	Nam	5/5/1943	Đồng Tân	5
9	Đặng Văn Tuyên	Nam	1/1/1982	Hải Minh	3
10	Nông Văn Nghiêm	Nam	20/1/1991	Hải Minh	7
11	Phạm Văn Tuấn	Nam	20/10/1982	Hải Minh	6
12	Nông Văn Quyền	Nam	6/7/1987	Hải Minh	5
13	Vương Thị Quyên	Nữ	20/6/1972	Hải Minh	2
14	Phan Thị Chinh	Nữ	20/10/1979	Hải Minh	2
15	Nguyễn Thị Châu	Nữ	26/10/1975	Hải Minh	1
16	Nguyễn Văn Kết	Nam	29/8/1982	La Dao	6
17	Nguyễn Thị Sang	Nữ	1/1/1930	La Dao	1
18	Nguyễn Văn Dương	Nam	6/1/1980	La Dao	3
19	Nguyễn Thị Nga	Nữ	7/7/1947	La Dao	1
20	Đỗ Thị Bình	Nữ	5/11/1963	La Dao	2
21	Ngô Thị Tươi	Nữ	22/10/1973	La Đuốc	1
22	Dương Văn Hợp	Nam	11/9/1956	Núi Chùa	1
23	Hoàng Văn Hiếu	Nam	18/6/1983	Quyết Tiến	2
24	Phan Văn Pắc	Nam	11/6/1957	Quyết Tiến	4
25	Dương Danh Ngọ	Nam	10/9/1966	Thòng Bong	3
26	Phạm Văn Tuấn	Nam	6/7/1981	Thòng Bong	4
27	Phạm Thị Thanh	Nữ	12/10/1949	Thòng Bong	2
28	Nguyễn Văn Ân	Nam	20/7/1965	Thòng Bong	5
29	Dương Đình Mạnh	Nam	26/7/1977	Trạng Đài	4

30	Tạ Đình Chi	Nam	6/12/1968	Trạng Đài	4
31	Thạc Thị Lor	Nữ	27/12/1973	Trạng Đài	3
32	Hà Thị Thoa	Nữ	14/10/1962	Trạng Đài	2
33	Phạm Thị Hậu	Nữ	15/6/1986	Trại	3
34	Lê Đình Tuấn	Nam	10/10/1987	Trại	4
35	Vũ Lệnh Nhón	Nam	13/9/1963	Trại	4
36	Lý Chấn Sâm	Nam	18/7/1963	Cà	5
37	Lý Thị Lành	Nữ	17/2/1980	Cà	2
38	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Nữ	17/7/1988	Cà	3
39	Nguyễn Văn Chức	Nam	3/4/1985	Vầu	5
40	Nguyễn Thị Cát	Nữ	19/6/1955	Vầu	1
41	Nguyễn Văn Tý	Nam	30/1/1958	Hân	3
42	Lê Thị Lan	Nữ	22/1/1983	Vực Giăng	2
43	Lý Chấn Bằng	Nam	27/10/1957	Vực Giăng	6
44	Nguyễn Thị Thêm	Nữ	10/6/1957	Đồng Ca	2
45	Trần Thị Tường	Nữ	18/09/1969	Thanh Lương	2
46	Nhữ Thị Thoa	Nữ	19/12/1968	Thanh Lương	3
47	Phạm Đình Thúy Nhung	Nữ	12/17/1971	Tè	2
48	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	01/01/1962	Tè	2
49	Hoàng Văn Việt	Nam	23/01/1984	Trụ Sở	3
50	Vi Thị Hằng	Nữ	9/1/1983	Trại Giữa	4
51	Nguyễn Văn Nam	Nam	1/6/1994	Cầu muối	4
52	Dương Thị Mến	Nữ	23/12/1976	Cầu Muối	5
53	Dương Thị Kỳ	Nữ	16/6/1965	Cầu Muối	5
54	Nguyễn Thị Dung	Nữ	10/11/1984	Tân yên	4
55	Hoàng Văn Thơm	Nam	17/12/1993	Tân yên	4
56	Duwong Thị Bộ	Nữ	8/6/1993	Tân yên	3
57	Nguyễn Thị San	Nữ	25/02/1963	Non Tranh	1
58	Đỗ Thị Thuý	Nữ	2/2/1986	Đồng Bàu	3
59	Phạm Thị Giang	Nữ	5/5/1979	Suối Lửa	2
60	Dương Thị Lợi	Nữ	16/10/1966	Na Bì	2
61	Đỗ Tuyết Lan	Nữ	17/7/1977	Đồng Bón	2
62	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	1/1/1950	Đồng Bón	4
63	Nguyễn Văn Đại	Nam	8/8/1966	Đồng Bón	3
II	Hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo: 09 hộ				33
1	Nguyễn Văn Siu	Nam	5/10/1957	Đồng Tân	7
2	Đặng Văn Tuyên	Nam	1/1/1982	Hải Minh	3
3	Nông Văn Nghiêm	Nam	20/1/1991	Hải Minh	7
4	Dương Đình Mạnh	Nam	26/7/1977	Trạng Đài	4
5	Lê Thị Lan	Nữ	22/1/1983	Vực Giăng	2
6	Nhữ Thị Thoa	Nữ	19/12/1968	Thanh Lương	3
7	Phạm Đình Thúy Nhung	Nữ	12/17/1971	Tè	2

8	Nguyễn Văn Nam	Nam	1/6/1994	Cầu muối	4
9	Nguyễn Thị San	Nữ	25/02/1963	Non Tranh	1
III	Hộ tái cận nghèo: 0 hộ				
IV	Hộ cận nghèo phát sinh mới: 03 hộ				11
1	Tạ Đình Chì	Nam	6/12/1968	Trạng Đài	4
2	Vi Thị Hằng	Nữ	9/1/1983	Trại Giữa	4
3	Nguyễn Văn Đại	Nam	8/8/1966	Đồng Bón	3
V	Hộ thoát cận nghèo (thoát hẳn): 56 hộ				190
1	Hoàng Thị Châm	Nữ	6/7/1973	Bạch Thạch	5
2	Nông Văn Tùng	Nam	10/10/1991	Bờ La	3
3	Vi Thị Thuận	Nữ	4/8/1991	Bờ La	3
4	Nguyễn Thị Sơn	Nữ	23/8/1983	Đèo Khê	2
5	Bàn Thị Yêu	Nữ	15/8/1989	Đèo Khê	5
6	Trần Thị Chúc	Nữ	16/3/1939	Đồng Tân	2
7	Nguyễn Thị Đào	Nữ	9/8/1949	Đồng Tân	2
8	Bùi Công Hùng	Nam	12/12/1981	Đồng Tân	5
9	Nông Văn Thuận	Nam	16/6/1992	Hải Minh	4
10	Vương Thị Oanh	Nữ	16/7/1985	Hải Minh	3
11	Nguyễn Văn Chính	Nam	13/7/1982	La Dao	5
12	Nguyễn Văn Hoạt	Nam	5/5/1992	La Dao	4
13	Hoàng Thị Thiệp	Nữ	23/8/1989	La Dao	3
14	Nguyễn Thị Bích	Nữ	8/8/1978	La Dao	4
15	Nguyễn Văn Hoan	Nam	5/3/1983	La Đuốc	4
16	Nguyễn Thị Hương	Nữ	22/1/1982	La Đuốc	2
17	Nguyễn Thị Loan	Nữ	2/3/1978	La Đuốc	2
18	Nguyễn Thị Chiên	Nữ	19/8/1985	Môn Hạ	2
19	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	24/1/1995	Môn Hạ	3
20	Nguyễn Văn Điều	Nam	20/10/1958	Môn Thượng	5
21	Vũ Thị Đồi	Nữ	20/1/1958	Môn Thượng	1
22	Hoàng Thị Thị	Nữ	7/6/1949	Núi Chùa	1
23	Hoàng Văn Công	Nam	16/1/1985	Quyết Tiến	3
24	Phạm Văn Mạnh	Nam	1/1/1988	Quyết Tiến	4
25	Dương Thị Dung	Nữ	24/4/1944	Thông Bong	3
26	Dương Thị Thành	Nữ	28/10/1963	Trạng Đài	1
27	Dương Thanh Tú	Nam	10/1/1987	Trạng Đài	5
28	Lê Thị Ánh	Nữ	1/5/1985	Xóm Châu	5
29	Lê Xuân Luyến	Nam	10/6/1954	Trại	3
30	Nguyễn Thị Bằng	Nữ	3/1/1961	Xuân Lai	1
31	Nguyễn Thị Tới	Nữ	14/11/1982	Vầu	3
32	Lê Thị Vân	Nữ	11/3/1961	Vầu	3
33	Mai Thị Dung	Nữ	23/01/1961	Hân	2
34	Lý Chấn Bình	Nam	29/8/1936	Vực Giảng	3
35	Dương Thị An	Nữ	5/1/1977	Vực Giảng	4

36	Nguyễn Văn Dũng	Nam	26/03/1992	Đồng Ca	5
37	Nguyễn Văn Thu	Nam	22/06/1959	Tè	8
38	Hoàng Đức Bình	Nam	01/01/1958	Tè	2
39	Nguyễn Thị Thọ	Nữ	02/11/1982	Tè	4
40	Dương Thị Vân	Nữ	7/1/1986	Ngò	3
41	Hoàng Thị Khuê	Nữ	24/03/1975	Ngò	2
42	Hoàng Văn Sĩ	Nam	9/1/1988	Cầu Muối	5
43	Nguyễn Khắc Sang	Nam	13/9/1979	Vo	6
44	Nguyễn Văn Dị	Nam	10/8/1979	Non Tranh	4
45	Lê Quang Quý	Nam	11/1/1949	Non Tranh	4
46	Hoàng Thị Nhung	Nữ	15/5/1994	Đồng Bàu	4
47	Dương Thị Thúy	Nữ	26/1/1975	Đồng Bàu	3
48	Vi Văn Dũng	Nam	1/9/1975	Đồng Bàu	5
49	Liều Văn Phun	Nam	1954	Suối Lửa	3
50	Vũ Văn Đề	Nam	1/9/1977	Hòa Lâm	2
51	Vi Văn Dĩnh	Nam	5/8/1976	Hòa Lâm	3
52	Hoàng Thị Tuyên	Nữ	15/1/1969	Đồng Bón	4
53	Đỗ Thị Nhàn	Nữ	11/5/1960	Đồng Bón	2
54	Vi Thị Mai	Nữ	27/7/1966	La Lê	2
55	Hoàng Văn Đảo	Nam	23/6/1955	La Lê	4
56	Hoàng Văn Nhâm	Nam	17/1/1980	La Lê	5
VI	Tổng cộng (A +B) = 241 hộ				